Phụ lục I: Tổng hợp diện tích Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
Dự án Khối trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số: 1625 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên Dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy mô sử dụng đất của dự án (ha)	Nguồn gốc diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		Tổng diện tích rừng quyết định CMĐSDR	Hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ	Ghi chú
					Rừng sản xuất				
					Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)			

STT	Tên Dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy mô sử dụng đất của dự án (ha)	Nguồn gốc diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		Tổng diện tích rừng quyết định CMĐSDR	Hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ	Ghi chú
					Rừng sản xuất				
					Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)			
1	Dự án Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng -	Công ty Cổ phần Khu Trung chuyển Lạng Sơn	Xã Thụy Hùng và xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.	136,970	0,00	17,540	17,540	+ Đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác ngày 29/8/2024 của Công ty cổ phần Khu trung chuyển Lạng Sơn. + Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh Lạng Sơn quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn + Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn tỷ lệ 1/500 (giai đoạn 2); Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn tỷ lệ 1/500 (giai đoạn 2); + Công văn số 49/CV-BĐH ngày 21 tháng 8 năm 2024 của	

STT	Tên Dự án	Chủ đầu tư/Nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy mô sử dụng đất của dự án (ha)	Nguồn gốc diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		Tổng diện tích rừng quyết định CMĐSDR	Hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ	Ghi chú
					Rừng sản xuất				
					Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)			
	Lạng Sơn							+ Công văn số 49/CV-BĐH ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Ban Điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế dự án Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn. + Báo cáo thuyết minh kết quả điều tra hiện trạng rừng chuyển mục đích sử dụng rừng Dự án Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn. Bản đồ phạm vi ranh giới diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng Dự án Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, gồm 02 tờ bản đồ,	
Tổng cộng				**136,970**		**17,540**	**17,540**		

Phụ lục II: Danh sách các lô rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Dự án: Kho trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số: 1625 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Huyện	Xã	Vị trí			Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích (ha)
			Tiểu khu	Khoảnh	Lô	
1	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	2	2	0,376
2	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	2	6	2,181
3	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	2	7	0,583
4	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	2	10	0,243
5	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	2	12	0,54
6	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	2	16	0,637
7	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	2	17	0,37
8	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	3	1	0,266
9	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	3	2	0,219
10	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	3	8	1,478
11	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	3	12	0,107
12	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	4	3	0,451
13	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	4	5	0,246
14	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	4	12	1,134
15	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	4	13	0,257
16	Cao Lộc	Phú Xá	296_CL	4	27	0,24
17	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	5	0,139
18	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	6	0,049
19	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	11	0,263
20	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	12	0,411
21	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	13	0,044
22	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	17	1,001
23	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	26	1,267
24	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	27	0,08
25	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	33	0,148
26	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	35	0,156
27	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	39	0,015
28	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	40	0,321
29	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	42	1,036
30	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	45	0,105
31	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	46	0,079
32	Cao Lộc	Thụy Hùng	288_CL	7	50	3,098

Tổng diện tích rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	**17,540**

Ghi chú: Địa danh, vị trí (Lô, khoảnh, tiểu khu), diện tích theo hồ sơ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng và hồ sơ Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng.